TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN** ————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ————————————

Bản án số: 135/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Hào

Bà Trần Thị Minh Hợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày *26* tháng *6* năm *2019* tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số *55/2019*/TLST-*HNGĐ* ngày *05* tháng 3 năm *2019* về *ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *43/2019/*QĐXXST-HNGĐ ngày *30* tháng *5* năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm 5, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* chị Phạm Thị A - sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 5, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 14/2/2019, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn chị Phạm Thị A đăng ký kết hôn ngày 10/9/2012 tại UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống

với nhau bình thường cho đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đến tháng 9 năm 2017, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh Hùng đã yêu cầu Toà án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn chị Phạm Thị A;

- Con chung: có 01 con chung là Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/3/2013. Hiện tại con chung đang ở với anh H. Anh H yêu cầu được nuôi cháu B, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị A không có mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của chị A.

Quá trình xác minh tại UBND xã T, UBND xã T đã cung cấp thông tin với nội dung đúng như lời khai của anh H, phía chính quyền xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Phạm Thị A; giao con chung Nguyễn Văn B cho anh H trực tiếp nuôi, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị A; không giải quyết tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng:

Đây là vụ án có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập nguyên đơn, bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của nguyên đơn là có lý do chính đáng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị A đăng ký kết hôn ngày 10/9/2012 tại UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Anh H trình bày quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Mặc dù không thu thập được lời khai của chị A, tuy nhiên việc vợ chồng đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài mà không liên lạc với nhau cũng có thể thấy được cả anh H và chị A đều không còn muốn duy trì cuộc sống hôn nhân. Như vậy cả hai đã vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa anh H và chị A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho anh Nguyễn Văn H ly hôn với chị Phạm Thị A.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/3/2013. Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu B. Xét, con chung hiện tại đang ở với anh H. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, chị A không có trách nhiệm trong việc hỗ trợ anh H chăm sóc con chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị A không có ý kiến thể hiện nguyện vọng được nuôi con chung. Anh H có nơi cư trú ổn định tại, có mức thu nhập từ 6 triệu đến 7 triệu đồng/tháng đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Do vậy, để đảm bảo cho việc sinh hoạt cũng như học tập của con chung cần chấp nhận yêu cầu của anh H. Giao cho anh H được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Văn B. Anh H không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Anh H không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Cho anh Nguyễn Văn H ly hôn chị Phạm Thị A;

- Về con chung: giao con chung Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/3/2013 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu chị A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị A.

Anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người đang trông giữ con chung có nghĩa vụ giao con chung cho người được Tòa án giao quyền nuôi con khi có yêu cầu thi hành án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: không giải quyết.

- Về án phí: anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004300 ngày 05/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã T;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thể